



Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

TỜ TRÌNH

**Đề nghị phê duyệt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
“Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVI) về lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2016 -2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT:

Trong những năm qua, các ngành, các cấp trong tỉnh đã nỗ lực chung tay cải thiện môi trường đầu tư, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã phát triển về số lượng, tích cực đầu tư, mở rộng thị trường, có những đóng góp đáng kể vào GRDP, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, tham gia có trách nhiệm các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Sự phát triển của doanh nghiệp đã góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, đồng thời kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển sẽ tiếp tục tạo điều kiện và là môi trường thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp.

Tuy nhiên tốc độ tăng về số lượng các doanh nghiệp chưa cao, chất lượng hoạt động của doanh nghiệp còn hạn chế chưa tương xứng quy mô kinh tế của

tinh, sự đóng góp cho kinh tế của tỉnh còn thấp. Do đó, việc hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) sẽ thúc đẩy doanh nghiệp phát triển về số lượng và chất lượng, doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, khởi nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh và hoạt động hiệu quả, là nguồn lực lớn thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả, tăng cường các hoạt động hỗ trợ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI, Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVI) về lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2016 -2020 “*phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có trên 2.000 doanh nghiệp và định hướng đến năm 2030 toàn tỉnh có trên 3.000 doanh nghiệp*” thì việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 là hết sức cần thiết.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 25 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định “1. Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm sau đây:b) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”. Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận ban hành **Nghị quyết về Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.**

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ DNNVV theo quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV và văn bản liên quan nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh cho DNNVV trên địa bàn tỉnh; tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, ổn định để các DNNVV đóng góp ngày càng cao vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế của doanh nghiệp trong tỉnh.

2. Quan điểm:

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

III. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ các văn bản làm căn cứ để soạn thảo, trình ban hành văn bản gồm:

1. Văn bản của các cơ quan Trung ương:

- Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Nghị quyết số 19- 2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 19/2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

2. Văn bản của tỉnh Tuyên Quang

- Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI (Nhiệm kỳ 2015-2020);

- Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVI) về lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020;

- Chương trình hành động số 16 - CTr/TU ngày 31/7/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XVI) thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Kế hoạch hành động số 18/KH-UBND ngày 28/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19- 2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; Kế hoạch hành động số 55/KH-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Nghị quyết số 19/2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ

yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;

- Chương trình hành động số 06/CT-UBND ngày 28/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện văn bản số 1380/BKHĐT-PTDN ngày 06/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ý kiến về cơ chế, chính sách hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, văn bản số 588/UBND-TH ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hoàn chỉnh dự thảo Đề án phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (trong đó có nội dung: dự thảo nội dung đề nghị ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định”.

Ngày 02/5/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 559/SKH-ĐKKD về việc tham gia ý kiến góp ý vào hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đề nghị Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh Tuyên Quang, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan tham gia ý kiến góp ý vào dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Ngày 15/5/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được ý kiến tham gia góp ý của 18 cơ quan, đơn vị vào dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 15/5/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 633/SKH-ĐKKD ngày 14/5/2019 đề nghị Sở Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đến ngày 21/5/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Báo cáo số 101/BC-STP của Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, chính sửa hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 23/5/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh họp thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục xây dựng dự thảo Nghị quyết, xin ý kiến các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và đối tượng chịu tác động của Nghị quyết.

Ngày.../.../2019., Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số.../BC-STP về việc kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sở Kế hoạch và Đầu tư dẫn hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số.../BC-STP của Sở Tư pháp.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục Nghị quyết

- Hình thức ban hành: Văn bản quy phạm pháp luật
- Tên văn bản: Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
- Bố cục Nghị quyết gồm 3 điều kèm theo Quy định chi tiết gồm 3 chương 14 điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Chi tiết có quy định kèm theo).

Điều 2: Tổ chức thực hiện

- Giao trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết cho Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Giao trách nhiệm tổ chức giám sát thực hiện Nghị quyết cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Điều 3: Thông qua Nghị quyết.

3. Nội dung Quy định kèm theo Nghị quyết

- Chương I: Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

- Chương II: Nội dung hỗ trợ

Mục 1. Nhóm hỗ trợ chung cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Điều 3. Hỗ trợ thông tin, đào tạo, tập huấn sử dụng dịch vụ công trực tuyến

Điều 4. Hỗ trợ thủ tục gia nhập thị trường

Điều 5. Hỗ trợ DNNVV mặt bằng sản xuất kinh doanh

Mục 2. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh

Điều 6. Hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp thủ tục gia nhập thị trường.

Mục 3. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Điều 7. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Mục 4. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Điều 8. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Chương III. Nguồn vốn hỗ trợ

Điều 9. Nguồn vốn hỗ trợ

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành./.

Xin gửi kèm theo: Bản dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (trình duyệt);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/NQ-HĐND
(Dự Thảo)

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2016;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVI) về lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2016 -2020;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số: ... /BC-HĐND ngày .../.../2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt; trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì được thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết nếu gặp vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họpthông qua ngày tháng năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày tháng ... năm 2019./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBNDTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, văn phòng cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo TQ, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2019/NQ-HĐND ngày tháng năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII kỳ họp thứ.....)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Doanh nghiệp đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định DNNVV theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức, các nhân đăng ký thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa; Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp.

c) Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

d) Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải đảm bảo nội dung tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Tỉnh Tuyên Quang hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhận hỗ trợ khi đã thực hiện đầy đủ quy định của Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Căn cứ vào nguồn lực hỗ trợ, việc hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện trước được hỗ trợ trước.

4. Các hồ sơ đề nghị hỗ trợ phải được cơ quan chuyên môn (được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ) thẩm tra.

5. Không hỗ trợ đối với các nội dung đã và đang thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước. Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

6. Đối với những nội dung được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp được hỗ trợ 01 (một) lần cho một nội dung trong năm. Trường hợp

DNNVV đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Quy định này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

7. Những nội dung không nêu trong quy định này được thực hiện theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2019 của Chính phủ.

Chương II **NỘI DUNG HỖ TRỢ**

Mục 1. Nhóm hỗ trợ chung cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Điều 3. Hỗ trợ thông tin, đào tạo, tập huấn sử dụng dịch vụ công trực tuyến

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ mỗi doanh nghiệp 10.000.000 đồng kinh phí xây dựng trang thông tin điện tử (Website) nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thương hiệu thông qua môi trường internet. Các website khi được hỗ trợ phải đặt tại trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, đồng thời tích hợp vào Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

b) Miễn phí viết tin, bài, ảnh về tuyên truyền, giới thiệu, củng cố thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp, tiêu thủ công mỹ nghệ, thực phẩm chế biến và các sản phẩm khác của doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử và Trang đối ngoại tỉnh Tuyên Quang. Định mức, cách thức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ.

c) Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các doanh nghiệp sử dụng, khai thác các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (tối đa 10 người/ 01 doanh nghiệp).

2. Đối tượng: Doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa có trang thông tin điện tử (Website) đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở Thông tin và Truyền thông. Hồ sơ gồm có:

- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- + Văn bản đề nghị hỗ trợ doanh nghiệp
- + Hồ sơ thuyết minh chi tiết nội dung cần hỗ trợ
- + Hợp đồng thực hiện nội dung cần hỗ trợ
- + Biên bản xác nhận, nghiệm thu hoàn thành công việc.

b) Trước thời gian làm dự toán ngân sách hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, thông báo doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp.

Điều 4. Hỗ trợ thủ tục gia nhập thị trường

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tư vấn lần đầu lập hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp mới với số tiền 500.000 đồng/01 doanh nghiệp (trường hợp doanh nghiệp thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ).

b) Hỗ trợ lần đầu 300.000 đồng để làm 01 con dấu pháp nhân cho doanh nghiệp thành lập mới.

c) Hỗ trợ chi phí đăng ký 01 chữ ký số trong 01 năm đầu tiên sau khi thành lập để khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh, mức phí hỗ trợ 1.000.000 đồng/doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh).

d) Miễn phí chuyển phát nhanh lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp mới thành lập đến địa chỉ doanh nghiệp kê khai nhận kết quả, mức phí hỗ trợ tối đa 50.000 đồng/doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh).

2. Đối tượng: Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới; doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới và hộ kinh doanh (điểm c,d) .

3.Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Doanh nghiệp kê khai thông tin đề nghị hỗ trợ thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, làm dấu, mua chữ ký số, chuyển phát nhanh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi doanh nghiệp đến làm thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư).

Hồ sơ gồm có:

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ
+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
+ Thông báo mẫu con dấu của doanh nghiệp (Đối với hỗ trợ làm dấu pháp nhân).

+ Hóa đơn mua chữ ký số công cộng.

+ Hợp đồng tư vấn lập hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp (trường hợp doanh nghiệp thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ).

- Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề cử cán bộ tư vấn, hướng dẫn miễn phí trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký cho doanh nghiệp;

- Sau khi xem xét đề nghị của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc theo kinh phí đã được duyệt.

Điều 5. Hỗ trợ DNNVV mặt bằng sản xuất kinh doanh

Thực hiện bố trí quỹ đất đã được giải phóng mặt bằng trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp cho các dự án chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản của DNNVV phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Mục 2. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh

Điều 6. Hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp thủ tục gia nhập thị trường.

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp với số tiền 1.000.000 đồng/01 doanh nghiệp (trường hợp doanh nghiệp thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ).

b) Hỗ trợ 500.000 đồng để làm 01 con dấu pháp nhân cho doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

2. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật ít nhất 01 năm liên tục.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục:

- Chủ hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh (Sở Kế hoạch và Đầu tư), hồ sơ hỗ trợ gồm:

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế

+ Bản sao chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi.

+ Hợp đồng tư vấn lập hồ sơ đăng ký chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp (trường hợp hộ kinh doanh thuê tổ chức tư vấn lập hồ sơ).

- Sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Trong thời hạn 03 ngày làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư chi trả kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp trong nguồn kinh phí được cấp.

Mục 4. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Điều 7. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/ 01 năm cho 01 doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ, nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/01 hợp đồng/ 01 năm cho 01 doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, nhưng không quá 10 triệu đồng/01 hợp đồng/01 năm cho 01 doanh nghiệp thực hiện xác lập quyền sở hữu công nghiệp trong nước, nhưng không quá 20 triệu đồng/01 hợp đồng/01 năm cho 01 doanh nghiệp thực hiện xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý, nhưng không quá 200 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, nhưng không quá 5 triệu đồng/tiêu chuẩn cơ sở, doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa không quá 10 tiêu chuẩn cơ sở/năm;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường, nhưng không quá 10 triệu đồng/01 hợp đồng/năm cho 01 doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ thuê văn phòng làm việc

Hỗ trợ 50% chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung quy định trong thời hạn 06 tháng, nhưng tối đa không quá 03 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp.

2. Đối tượng hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ

- Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 6 Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập tại tỉnh Tuyên Quang, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, có trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khi đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn tham gia theo một trong các phương thức quy định tại Điều 20 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ trong đó có thuyết minh về nội dung hỗ trợ (bản gốc);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa kèm theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ (bản gốc);

- Bản sao xác nhận nộp tiền thuế đã nộp vào ngân sách nhà nước của doanh nghiệp (năm trước liền kề với năm đề nghị hỗ trợ).

- Các tài liệu riêng của từng nội dung hỗ trợ

+ Đối với nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng tư vấn; bản sao hoá đơn; Bản sao văn bằng chỉ dẫn địa lý, bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp đề nghị được hỗ trợ (nếu có).

+ Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng tư vấn (nếu có); bản sao biên lai thu tiền, hoá đơn; Bản sao các tài liệu liên quan đến tiêu chuẩn cơ sở, đo lường.

+ Đối với nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng (nếu có); bản sao biên lai thu tiền, hoá đơn.

b) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp 06 bộ hồ sơ (nộp 01 bộ hồ sơ gốc được ký trực tiếp và đóng dấu đỏ và 05 bộ hồ sơ bản sao từ bộ hồ sơ gốc) trực tiếp cho Sở Khoa học và Công nghệ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm định hồ sơ, xác minh thực tế, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

- Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản trình của Sở Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh quyết định nội dung và mức hỗ trợ.

- Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả cho doanh nghiệp và ký hợp đồng thực hiện sau khi có Quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh. Kinh phí hỗ trợ được cấp 01 lần sau khi UBND tỉnh ra quyết định hỗ trợ và Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng.

- Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra quá trình triển khai thực hiện. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng theo Quyết định của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị UBND tỉnh thu hồi một phần hoặc toàn bộ kinh phí hỗ trợ.

- Sau khi kết thúc nhiệm vụ, doanh nghiệp chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ thanh toán, quyết toán theo các nội dung được phê duyệt, bao gồm giấy tờ, chứng nhận, chứng từ và các giấy tờ loại khác có liên quan cho phần kinh phí hỗ trợ của nhà nước và phần kinh phí của doanh nghiệp (nếu có). Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện nội dung này.

- Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định.

Mục 5. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Điều 8. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ liên kết sản xuất kinh doanh:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị cam, bưởi, lạc, chè, mía, gỗ nguyên liệu, trâu thịt, cá đặc sản không quá 100 triệu đồng/01 hợp đồng cho 01 doanh nghiệp và không quá 01 hợp đồng/01 doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa cam, bưởi, lạc, chè, mía, gỗ nguyên liệu, trâu thịt, cá đặc sản nhưng không quá 100 triệu đồng/01 hợp đồng cho 01 doanh nghiệp và không quá 01 hợp đồng/01 doanh nghiệp.

b) Tư vấn về tiêu chuẩn cơ sở, đo lường,

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, nhưng không quá 5 triệu đồng/tiêu chuẩn cơ sở, doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa không quá 10 tiêu chuẩn cơ sở/năm;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường, nhưng không quá 10 triệu đồng/01 hợp đồng/năm cho 01 doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh nhưng không quá 100 triệu đồng/01 sản phẩm.

2. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

- Các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh, sử dụng tối thiểu 30% lao động là người địa phương.

- Đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, được lựa chọn theo một trong các phương thức sau:

- Có hợp đồng hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp dẫn dắt trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Có hợp đồng mua chung nguyên liệu đầu vào.

- Có hợp đồng bán chung sản phẩm.

- Cùng xây dựng và sử dụng thương hiệu vùng.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ gồm có các giấy tờ sau:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp.

- Các tài liệu chứng minh là doanh nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản nhỏ và vừa theo tiêu chí tại Khoản 2,3 Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Phương án tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị về liên kết sản xuất, kinh doanh;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt đối tượng được hỗ trợ.

c) Lập hồ sơ đề nghị nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:

- Văn bản nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ của doanh nghiệp;

- Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Bản sao công chứng các giấy tờ chứng nhận liên quan: hợp đồng, tài liệu nghiệm thu, thanh toán hợp đồng liên kết sản xuất, kinh doanh; hợp đồng tài liệu

nghiệm thu, thanh toán hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, nghiệm thu các hạng mục doanh nghiệp đề nghị nghiệm thu, thanh toán; tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

e) Căn cứ quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, biên bản nghiệm thu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị thanh toán, quyết toán đến Sở Tài chính để được thanh toán hỗ trợ theo quy định.

CHƯƠNG III.

NGUỒN VỐN HỖ TRỢ

Điều 9. Nguồn vốn hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước (Từ nguồn chi thường xuyên của tỉnh).

CHỦ TỊCH UBND TỈNH